

Kiều Kỳ, ngày 12 tháng 01 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
 dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường mầm non Kiều Kỳ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2021 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm 2021 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	414.360.000	130.870.000	94	37
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí	414.360.000	130.870.000	94	37
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	414.360.000	130.870.000	94	37
I	Chi sự nghiệp.....	414.360.000	130.870.000	94	37
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.821.893.500	5.821.893.500		
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.821.893.500	5.821.893.500		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm 2021(tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.821.893.500	5.821.893.500		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.108.004.000	5.108.004.000		
	KP tiết kiệm 10%	76.000.000	76.000.000		
	Chi thanh toán cá nhân	4.355.480.000	4.383.107.435		
	Chè nước CBCC	0	0		
	Thanh toán dịch vụ công cộng	248.600.000	65.415.081		
	Vật tư văn phòng	89.060.000	89.993.000		
	Thông tin liên lạc	40.364.000	2.508.000		
	Hội nghị	0	0		
	Thanh toán công tác phí	27.600.000	27.600.000		
	Chi phí thuê mướn	0	11.681.600		
	Sửa chữa TX TSCĐ	40.000.000	51.695.200		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	207.900.000	277.702.600		
	Chi mua sắm TSCĐVH(phần mềm)	23.000.000	1.290.000		
	Chi tăng thu nhập	0	77.008.454		
	Chi trích lập quỹ phúc lợi, khen thưởng	0	17.000.000		
	Chi khác	0	21.290.000		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	713.889.500	713.889.500		
*	Nguồn không thường xuyên				
	Thanh toán dịch vụ công cộng				
	Chi phí thuê mướn				
	Hội nghị				
	Cấp bù học phí	559.500	559.500		
*	Cải cách tiền lương không tự chủ	713.330.000	713.330.000		
	Thanh toán cá nhân	713.330.000	713.330.000		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				

YÊN G
 HƯỜNG
 A NON
 U KÝ
 *

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm 2021 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 12 tháng 1 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Đinh Thị Tố Doan